



**BỘ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH XÃ HỘI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG XÂY DỰNG TP HỒ CHÍ MINH**

BÁO CÁO
KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG
TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT
GIAO THÔNG – TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG
NĂM 2024

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 12 năm 2024

MỤC LỤC

NỘI DUNG		Trang
	CÁC TỪ VIẾT TẮT	
PHẦN I.	GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG, KHOA/ĐƠN VỊ PHỤ TRÁCH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	
1.	Thông tin khái quát về trường	
1.1	Lịch sử phát triển và thành tích nổi bật	
1.2	Cơ cấu tổ chức và nhân sự	
1.3	Các nghề đào tạo và quy mô đào tạo	
1.4	Cơ sở vật chất, tài chính	
2.	Thông tin khái quát về Khoa xây dựng	
2.1	Lịch sử phát triển và thành tích nổi bật	
2.2	Cơ cấu tổ chức và nhân sự	
2.3	Các nghề đào tạo	
3.	Thông tin về chương trình đào tạo	
3.1	Lịch sử phát triển và thành tích nổi bật	
3.2	Mục tiêu của chương trình đào tạo	
3.3	Phương thức tổ chức đào tạo	
3.4	Tóm tắt nội dung chương trình dạy nghề	
3.5	Địa điểm đào tạo, quy mô đào tạo được cấp phép, kế hoạch tuyển sinh, số lượng tuyển sinh, tỷ lệ tốt nghiệp	
3.6	Đội ngũ giáo viên	
3.7	Cơ sở vật chất phục vụ chương trình đào tạo	
PHẦN III.	KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	
1	Tổng quan chung	
1.1	Căn cứ tự đánh giá	
1.2	Mục đích tự đánh giá	
1.3	Yêu cầu tự đánh giá	
1.4	Phương pháp tự đánh giá	
1.5	Các bước tiến hành tự đánh giá	
2.	Tự đánh giá	
2.1	Tổng hợp kết quả tự đánh giá	
2.2	Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn	
2.2.1	Tiêu chí 1: Mục tiêu, quản lý và tài chính	
2.2.2	Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo	
2.2.3	Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên	
2.2.4	Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình	
2.2.5	Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện	
2.2.6	Tiêu chí 6: Dịch vụ cho người học	
2.2.7	Tiêu chí 7: Giám sát, đánh giá chất lượng	

NỘI DUNG		Trang
PHẦN III.	TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	
PHẦN IV.	ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ	

PHỤ LỤC

Phụ lục 1. Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo

Phụ lục 2. Kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo

Phụ lục 3. Bảng mã minh chứng

CÁC TỪ VIẾT TẮT

TT	Ký hiệu viết tắt	Từ viết tắt
1.	CBGV	Cán bộ giáo viên
2.	CDN	Cao đẳng nghề
3.	CDN	Cao đẳng nghề
4.	CNVC	Công nhân viên chức
5.	CSVC	Cơ sở vật chất
6.	CVHT	Cổ vấn học tập
7.	CTĐT	Chương trình đào tạo
8.	DN	Doanh nghiệp
9.	CTDH	Chương trình dạy học
10.	GT	Giáo trình
11.	HCM	Hồ Chí Minh
12.	HSSV	Học sinh - sinh viên
13.	LĐTBXH	Lao động, Thương binh và xã hội
14.	KT&KDCL	Khảo thí và Kiểm định chất lượng
15.	NSNN	Ngân sách Nhà nước
16.	PCCC	Phòng cháy chữa cháy
17.	QĐ	Quyết định
18.	QTNH	Quản trị nhà hàng
19.	TCDN	Tổng cục Dạy nghề
20.	TCHC	Tổ chức hành chính
21.	UBND	Ủy Ban nhân dân

PHẦN I.
GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG, KHOA/ĐƠN VỊ PHỤ TRÁCH CHƯƠNG TRÌNH
ĐÀO TẠO VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG

1.1. Thông tin khái quát về trường

Tên trường : **TRƯỜNG CAO ĐẲNG XÂY DỰNG TP HỒ CHÍ MINH**

Tên Tiếng Anh: **HCM CONSTRUCTION COLLEGE**

Cơ quan chủ quản: Bộ Xây dựng- Bộ Lao động thương binh xã hội

Địa chỉ trường:

Trụ sở chính: Số 190 Võ Văn Ngân, Phường Bình Thới, Quận Thủ Đức, TP HCM

Cơ sở 1: Trung tâm đào tạo thực hành - Ứng dụng công nghệ Xây dựng. địa chỉ đường 11, phường Long Bình, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh

Số điện thoại liên hệ: 0838960087 – 083.8962938

Số Fax: 083.8968161

Email:

Website: www.hcc2.edu.vn

Năm thành lập trường:

- Năm thành lập đầu tiên: 1976

- Năm thành lập trường Cao đẳng nghề: Năm 2017

Loại hình trường: Công lập: Tu thực:

1.2 Thông tin khái quát về lịch sử phát triển

Trường Cao đẳng Xây dựng TP Hồ Chí Minh - tiền thân là Trường Trung học xây dựng Số 7 (được thành lập năm 1976 theo Quyết định số 86/BXD-TC ngày 14/2/1976 của Bộ trưởng Bộ xây dựng), đến năm 1999, để tương xứng với tiềm năng và quy mô phát triển của nhà trường và nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực của địa phương khu vực phía nam, Thủ tướng Chính phủ đã quyết định thành lập Trường Cao đẳng Xây dựng số 2 trên cơ sở Trường Trung học Xây dựng số 7 (Quyết định số 127/1999/QĐ-TTg ngày 28/5/1999 của Thủ tướng chính phủ). Đến năm 2017 trường đổi tên thành trường cao đẳng xây dựng TP Hồ Chí Minh.

Chức năng, nhiệm vụ được giao là:

Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Xây dựng TP Hồ Chí Minh (ban hành theo Quyết định số 672/QĐ-BXD ngày 26/4/2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng) quy định chức năng nhiệm vụ của Trường Cao đẳng Xây dựng TP Hồ Chí Minh:

“Trường Cao đẳng Xây dựng TP Hồ Chí Minh có nhiệm vụ: đào tạo cán bộ kỹ thuật bậc cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và công nhân kỹ thuật các ngành nghề

trong lãnh vực xây dựng; Tổ chức nghiên cứu và ứng dụng các tiến bộ khoa học – công nghệ tiên tiến, kết hợp đào tạo với nghiên cứu khoa học và sản xuất, dịch vụ khoa học và công nghệ; Phát hiện và bồi dưỡng nhân tài trong những người học và trong đội ngũ cán bộ, giảng viên, giáo viên của Trường...”

Sứ mạng của Trường:

Sứ mạng của trường Cao đẳng xây dựng TP Hồ Chí Minh được tuyên bố như sau: *“Trường Cao đẳng Xây dựng TP Hồ Chí Minh là cơ sở đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực ngành xây dựng có chất lượng, đồng thời là trung tâm nghiên cứu và chuyển giao kết quả NCKH trong lãnh vực xây dựng vào thực tiễn, góp phần vào sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội chung của đất nước và khu vực Tp.Hồ Chí Minh, miền Đông và miền Tây Nam bộ”.*

Hoạt động đào tạo:

Trường Cao đẳng Xây dựng TP Hồ Chí Minh có cơ cấu tổ chức gồm: 6 phòng chức năng, 5 Khoa, 4 Trung tâm và 5 bộ môn trực thuộc Ban giám hiệu. Với quy mô gần 3000 sinh viên học sinh đang theo học, hiện tại trường đang đào tạo 18 ngành ở bậc Cao đẳng gồm: Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng; Công nghệ kỹ thuật kiến trúc; Kế toán; Công nghệ kỹ thuật giao thông; Cấp thoát nước; Công nghệ vật liệu xây dựng; Quản trị kinh doanh; Quản lý xây dựng; Quản lý tòa nhà; Quản lý khu đô thị; Trắc địa công trình; Điện công nghiệp; Tự động hóa công nghiệp; Quản trị kinh doanh bất động sản; Tiếng Anh; thiết kế nội thất, logistics và ngành thiết kế đồ họa. Bậc trung cấp chuyên nghiệp đào tạo 3 ngành: Xây dựng dân dụng và công nghiệp; Kế toán; Cấp thoát nước.

Ngoài ra, nhà trường đang liên kết với một số Trường đại học như ĐH kiến trúc Tp.HCM, ĐH Bách Khoa,...đào tạo liên thông từ bậc cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp lên bậc đại học hệ chính quy, hệ vừa làm vừa học; Đào tạo theo địa chỉ hệ trung cấp chuyên nghiệp cho các địa phương như: Daklak, BRVT, An giang, Bến Tre, ...

Tổ chức đào tạo nhân lực kỹ thuật trực tiếp trong sản xuất, dịch vụ ở 03 cấp trình độ cao đẳng nghề, trung cấp nghề và sơ cấp nghề; Bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề cho người lao động theo yêu cầu của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và người lao động; nghiên cứu, ứng dụng kỹ thuật – công nghệ, nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo; tổ chức sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật.

Tổ chức xây dựng, phê duyệt và thực hiện các chương trình, giáo trình, học liệu dạy nghề đối với ngành nghề được phép đào tạo; Tổ chức nghiên cứu khoa học; ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, chuyển giao công nghệ; thực hiện sản xuất, kinh doanh và dịch vụ khoa học, kỹ thuật theo quy định của pháp luật; Tư vấn học nghề, tư vấn việc làm miễn phí cho người học nghề; Tổ chức cho người học nghề tham quan, thực tập tại doanh nghiệp; phối hợp với các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, gia đình người học nghề trong hoạt động dạy nghề.

Căn cứ nhu cầu thực tiễn đào tạo nguồn nhân lực cho địa phương và khu vực, Trường được đầu tư thành trường nghề chất lượng cao đến năm 2025 để đáp ứng nhu cầu Công nghiệp hóa – Hiện đại hóa, Trường thực hiện theo các quyết định:

+ Bộ Xây dựng đã giao nhiệm vụ cho trường về phát triển các ngành nghề trọng điểm. Tại văn bản số 548/BXD – TCCB, Bộ xây dựng đã thống nhất danh mục nghề trọng điểm. Theo đó nhà Trường sẽ có 7 ngành trọng điểm. Trong đó ngành Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng là ngành trọng điểm quốc tế.

+ Quyết định 1836/QĐ-LĐTBXH ngày 27/11/2017 của Bộ lao động thương binh và xã hội về việc phê duyệt ngành, nghề trọng điểm và trường được lựa chọn ngành nghề trọng điểm giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến 2025. Trường Cao đẳng xây dựng TP Hồ Chí Minh được lựa chọn với 7 ngành trọng điểm.

+ Quyết định 1432/QĐ –TTg ngày 26/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư dự án “Chương trình kỹ năng và kiến thức cho tăng trưởng kinh tế toàn diện”.

+ Quyết định số 1495/QĐ-BLĐTBXH ngày 29/10/2018 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội phê duyệt đầu tư dự án “Chương trình kỹ năng và kiến thức cho tăng trưởng kinh tế toàn diện”.

+ Quyết định số 1409/QĐ-BXD ngày 30/10/2018 của Bộ Xây dựng phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án “Chương trình kỹ năng và kiến thức cho tăng trưởng kinh tế toàn diện”. Vay vốn ODA của Ngân hàng ADB.

Trường có vị trí ở trung tâm thành phố Hồ Chí Minh; có 3 cơ sở phục vụ đào tạo:

1. Cơ sở 01: Cơ sở chính - Khu học tập và làm việc có diện tích 15.300 m² (phục vụ cho công tác đào tạo, dạy và học; các hoạt động của trường). Địa điểm: 190 Võ Văn Ngân, phường Bình Thới, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

Tổng diện tích sử dụng: 15.300 m², trong đó:

- Đất xây dựng: 4.030 m²
- Đất lưu không: 11.270 m²

Các phòng học được sử dụng chung:

- Khối phòng học lý thuyết: 6.400m² (43 phòng học với sức chứa 50HV/phòng)
- Khối phòng vi tính: 500 m² (06 phòng với tổng số 193 máy tính đang sử dụng)
- Phòng Ngoại ngữ chuyên dụng: 120 m²

Các công trình phụ trợ phục vụ người đi thi:

- Thư viện: 450 m²
- Hội trường: 450 m²
- Phòng y tế: 25 m²
- Căn tin: 400 m²
- Sân thể thao: 1.000 m²
- Khu huấn luyện, đào tạo kỹ năng làm việc trên cao và trong không gian hạn chế: 1000 m²
- Bãi giữ xe: 1000 m²

Trong năm 2023-2024, tại cơ sở 1, khối nhà học đa năng 10 tầng đã được xây dựng và đưa vào khai thác từ tháng 01/2024, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo thông qua việc hiện đại hoá cơ sở vật chất và cung cấp thêm nhiều tiện ích cho người học.

2. Cơ sở 02: Khu ký túc xá có diện tích 8.240 m² (phục vụ chỗ ở cho giáo viên, sinh viên-học sinh). Địa điểm: Số 02 đường Hoàng Diệu, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

- Số phòng: 80 phòng (Số người ở: 600)
- Sân thể thao: 5000 m²
- Đất giao thông, sân đường: 1937 m²

3. Cơ sở 03: Khu thực hành và ứng dụng công nghệ có diện tích gần 15000 m². Địa điểm: đường 11, phường Long Bình, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh. Khối xưởng thực hành: 3031 m²

- Xưởng thực hành Nề - Cốt thép - Bê tông: 508 m²
- Xưởng thực hành Hàn: 160 m²
- Xưởng thực hành Mộc: 226,8 m²
- Xưởng thực hành Nước (Trung tâm đào tạo ngành nước Miền Nam): 483 m²
- Xưởng thực hành Điện: 180 m²
- Sân thực hành chung: 1283 m²
- Sân thể thao: 1935 m²
- Đất giao thông, sân đường: 4764 m²
- Đất cây xanh: 4572 m²
- Phòng thí nghiệm: 650,2 m²

Đảng bộ cơ sở Trường Cao đẳng Xây dựng TP Hồ Chí Minh đã lãnh đạo nhà trường hoàn thành nhiệm vụ chính trị, đạt được những thành tích trên các mặt đào tạo nghề, chăm lo đời sống cho CBVCNV và học sinh, sinh viên. Đảng bộ, chi bộ nhiều năm liền đạt danh hiệu “Tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh”.

Tổ chức Công Đoàn cơ sở hoạt động có hiệu quả cao, quan tâm đến đời sống CBVCNV, phát huy vai trò làm chủ tập thể của người lao động, tham gia tích cực vào việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, tổ chức hoạt động phong trào nhằm thúc đẩy công tác dạy và học, góp phần hoàn thành nhiệm vụ chính trị trong nhà trường. Công đoàn được công nhận Công đoàn vững mạnh xuất sắc nhiều năm liền.

Đoàn Trường trực thuộc Đảng đoàn đảng ủy khối Bộ Xây dựng, đã tập hợp được đông đảo thanh niên tham gia các hoạt động, Đoàn trường đã phát huy tích cực các phong trào giáo dục chính trị tư tưởng, giáo dục truyền thống, hoạt động văn hóa văn nghệ, công tác xã hội, đẩy mạnh các phong trào thi đua dạy và học trong nhà trường, là đơn vị xuất sắc nhiều năm liền.

2. THÔNG TIN VỀ KHOA XÂY DỰNG PHỤ TRÁCH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT GIAO THÔNG

2.1 Thông tin khái quát

Tên khoa: Khoa Xây dựng

Tên Tiếng Anh: Civil Engineering

Số điện thoại: (084) 02837225201

Email: vanphongkhoaxd@gmail.com

Khoa được thành lập năm 2000 với tên gọi Khoa Xây dựng. Theo quyết định số 590/QĐ-.BXD. ngày 29 tháng 3 năm 2001 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Xây dựng số 2 Với chức năng và nhiệm vụ chính là thực hiện đào tạo các nghề trong danh mục nghề đào tạo theo quy định tại Thông tư số 17/2010/TT-BLĐTBXH ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Bộ Trưởng Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội.

Hiện tại Khoa Xây dựng đang đào tạo 04 nghề ở 02 cấp trình độ: Trình độ cao đẳng Nghề Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng, Công nghệ kỹ thuật giao thông; Quản lý tòa nhà; trắc địa công trình. trình độ trung cấp Nghề Xây dựng dân dụng và công nghiệp.

Phối hợp với Phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng, Phòng Đào tạo tổ chức giám sát công tác kiểm tra kết thúc mô đun môn học theo quy định. Biên soạn, cung cấp đề kiểm tra kết thúc mô đun, môn học; đề thi Tốt nghiệp theo yêu cầu của Phòng Đào tạo.

Thực hiện đúng tiến độ đào tạo, chế độ kiểm tra, thi, quản lý hồ sơ học sinh, sinh viên theo Quy chế đào tạo của Trường Cao đẳng Xây dựng TP HCM. Chịu trách nhiệm về chất lượng giảng dạy cho học sinh, sinh viên. Quản lý sĩ số và duy trì số lượng học sinh – sinh viên, chịu trách nhiệm về giáo dục nhân cách và chuyên cần của học sinh - sinh viên.

Hằng năm tiến hành bổ sung đề nghị điều chỉnh chương trình dạy nghề, giáo trình giảng dạy, tiến độ giảng dạy cho phù hợp với từng trình độ và nhu cầu xã hội.

Thường xuyên đổi mới và đưa ra phương pháp giảng dạy cho phù hợp với từng lớp học nhằm đạt hiệu quả cao trong công tác đào tạo nghề. Thực hiện tự kiểm định, đánh giá chất lượng đào tạo, tự kiểm định chương trình đào tạo, quy trình quản lý chất lượng theo quy định của Trường Cao đẳng Xây dựng TP HCM

Năm học 2018-2019 Khoa được công nhận danh hiệu tập thể lao động tiên tiến

Năm học 2018 – 2019 Khoa Xây dựng được công nhận danh hiệu tập thể lao động tiên tiến, tập thể lao động xuất sắc, giấy khen của Hiệu trưởng, bằng khen của Bộ trưởng Bộ Xây dựng

Năm học 2020-2021 Khoa được công nhận danh hiệu tập thể lao động tiên tiến, tập thể lao động xuất sắc, giấy khen của Hiệu trưởng, bằng khen của Bộ trưởng Bộ Xây dựng

Năm học 2021 – 2022 Khoa Xây dựng được công nhận danh hiệu tập thể lao động tiên tiến, tập thể lao động xuất sắc.

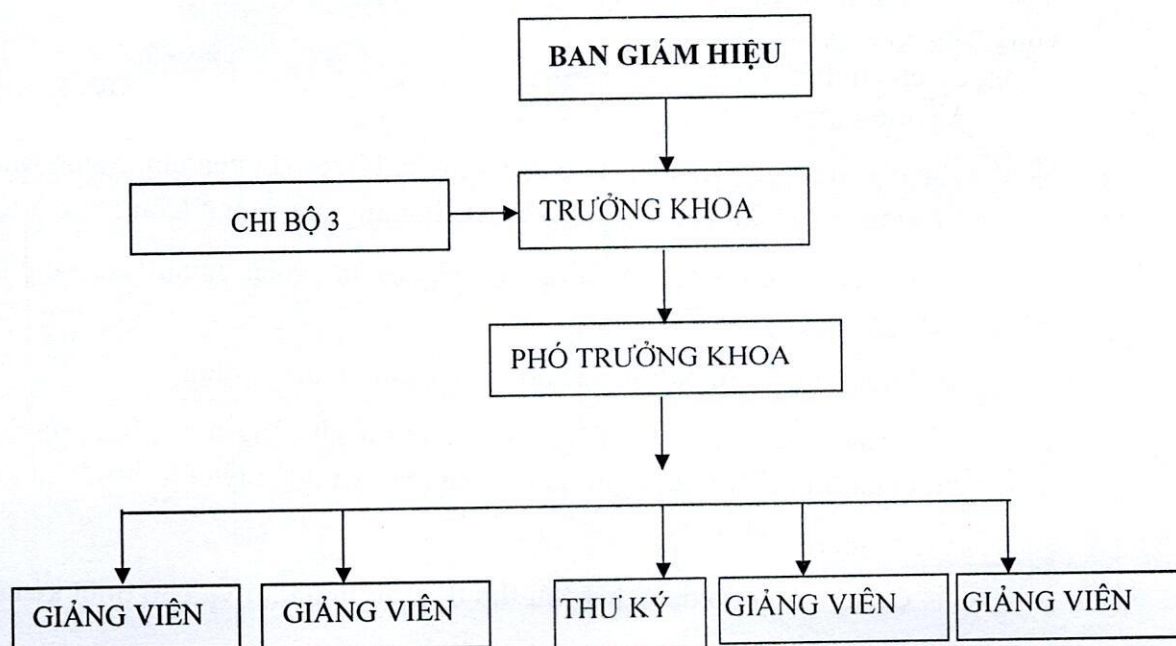
Năm học 2021 – 2022 Khoa Xây dựng được công nhận danh hiệu tập thể lao động tiên tiến, tập thể lao động xuất sắc.

2.2 Cơ cấu tổ chức

Năm học 2022-2023, Khoa Xây dựng có tổng cộng 26 nhân sự, gồm có 5 bộ môn trực thuộc và ban chủ nhiệm khoa, từ ngày 19/09/2022 có 1 nhân sự chuyển vị trí công tác, còn lại 26 nhân sự, cụ thể:

STT	Bộ phận	Số lượng	Trình độ	Ghi chú
1	Văn phòng Khoa	+ 1 Trưởng khoa + 1 Phó khoa + 1 Thư ký khoa	Thạc sĩ Thạc sĩ Đại học	
2	BM Cơ Xây dựng	04 nhà giáo	04 Thạc sĩ	
3	BM Kết cấu	04 nhà giáo	03 Thạc sĩ + 01 Đại học	
4	BM Thi công	Hiện tại: 07 nhà giáo (NH 2021-2022: 08 nhà giáo)	06 Thạc sĩ + 01 Đại học	
5	BM Cầu đường	05 nhà giáo	05 Thạc sĩ	
6	BM Quản lý dự án	03 nhà giáo	03 Thạc sĩ	

Về mặt tổ chức Đảng, khoa Xây dựng thuộc Chi bộ 3 (cùng khoa Kiến trúc)
Về mặt Công đoàn: khoa Xây dựng là Công đoàn bộ phận 3, thuộc Công đoàn Trường Cao đẳng Xây dựng Tp.HCM.



2.3 Các chương trình đào tạo được giao phụ trách

(Liệt kê các chương trình đào tạo được giao phụ trách)

STT	Tên chương trình đào tạo	Ghi chú
1	Chương trình đào tạo nghề Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng hệ cao đẳng	
2	Chương trình đào tạo nghề công nghệ kỹ thuật giao thông hệ cao đẳng	
3	Chương trình đào tạo nghề Trắc địa công trình hệ cao đẳng	
4	Chương trình đào tạo nghề Quản lý tòa nhà hệ cao đẳng	

3. THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT GIAO THÔNG

3.1 Lịch sử phát triển và thành tích nổi bật

- Bộ môn Cầu đường được thành lập năm 2012 (QĐ 383/CD XD2 Ngày 19.7.2012)

- Bắt đầu tiến hành tuyển sinh và đào tạo hệ cao đẳng năm 2009

- Chương trình đào tạo hàng năm đều được thẩm định và chỉnh sửa cho phù hợp với nhu cầu thực tế cũng như trình độ của Học sinh – Sinh viên.

- Thành tích nổi bật:

+ Hàng năm Khoa, Bộ môn chọn sinh viên tham dự các kỳ thi Olympic cơ học giữa các trường Đại học và Cao đẳng và đạt giải khuyến khích

+

3.2 Mục tiêu của chương trình đào tạo

Mục tiêu chung: Đào tạo sinh viên trình độ cao đẳng Công nghệ kỹ thuật giao thông có phẩm chất chính trị vững vàng, có đạo đức nghề nghiệp và sức khỏe tốt. Sinh viên được đào tạo các kiến thức chung bao gồm các môn học cơ bản và cơ sở chuyên môn, các kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực thiết kế, thi công và tổ chức thi công các công trình cầu đường bộ

Mục tiêu cụ thể:

Về kiến thức:

- Được trang bị kiến thức về các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam;

- Có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, tự nhiên, nhân văn nghệ thuật, ngoại ngữ, tin học;

- Hiểu biết về thiết kế các công trình cầu và đường bộ.

- Nắm chắc kiến thức cũng như các qui trình công nghệ, qui phạm kỹ thuật về thi công, nghiệm thu, kiểm định, khai thác và quản lý công trình cầu đường bộ.

Về kỹ năng:

- Có kỹ năng đo đạc khảo sát thu thập số liệu phục vụ cho thiết kế cầu đường;

- Thiết kế, thi công, tổ chức thi công và giám sát các công trình xây dựng mới, bảo dưỡng, sửa chữa cầu trung hoặc đường bộ.
- Thực hiện thành thạo các thí nghiệm kiểm tra chất lượng vật liệu xây dựng đầy đủ, chính xác theo quy trình quy phạm.
- Hướng dẫn được những qui trình công nghệ và thao tác kỹ thuật mới cho công nhân.
- Biết làm các thủ tục, hồ sơ hoàn công, lập dự toán.

Về thái độ:

Có ý thức trách nhiệm công dân, có ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong chuyên nghiệp; Chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật của Nhà nước và các quy định của nơi làm việc; Đáp ứng tốt yêu cầu về đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực xây dựng; Có tinh thần trách nhiệm và trung thực trong công việc.

Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp: Sau khi tốt nghiệp, Cử nhân Xây dựng Cầu hoàn toàn có đầy đủ năng lực để làm việc trong các lĩnh vực tư vấn, khảo sát, thiết kế, chỉ đạo thi công, tại các công ty Xây dựng cầu đường, quản lý công trình giao thông, có khả năng học liên thông nâng cao trình độ chuyên môn.

3.3 Phương thức đào tạo

- Phương thức đào tạo đang được áp dụng đối với chương trình đào tạo là dạy tập trung, sinh viên vừa học vừa làm, tiếp cận thực tế qua các đợt thực tập sản xuất tại cơ sở.

- Đặc điểm của phương thức đào tạo dạy tập trung tại trường là truyền đạt kiến thức trực tiếp cho học sinh, sinh viên. Giải đáp các thắc mắc và yêu cầu của học sinh, sinh viên ngay tại chỗ. Tạo môi trường học tập lành mạnh, hoà đồng.

- Đặc điểm của phương thức đào tạo dạy sinh viên vừa học vừa làm là sinh viên được áp dụng kiến thức vào thực tế công việc, được tiếp cận với máy móc, trang thiết bị nhằm rèn luyện tay nghề, nâng cao kỹ năng.

- Đặc điểm của phương thức đào tạo tiếp cận thực tế qua các đợt thực tập sản xuất tại cơ sở là sinh viên được trực tiếp làm việc như một nhân viên tại các đơn vị thực tập, được trải qua môi trường làm việc thực tế với các kiến thức đã học và các kiến thức mới.

3.4 Tóm tắt nội dung chương trình dạy nghề

- Chương trình dạy nghề chi tiết của chương trình đào tạo nghề Công nghệ kỹ thuật Giao thông được ban hành theo Quyết định số 503/QĐ-CDXD2 ngày 09 tháng 9 năm 2015. Đã được bổ sung, điều chỉnh 2 lần. Cụ thể vào những năm 2017 và 2021 (theo QĐ 633/ QĐ -CDXD ngày 25 tháng 08 năm 2021). Như vậy trong các năm từ 2019- 2022 , tồn tại hai chương trình đào tạo.

- Các môn học/môđun của chương trình đào tạo năm 2017

Mã MH/MĐ	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập			
			Tổng số giờ	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo luận	Thi/Kiểm tra
	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

I	Các môn học chung	22	465	195	270	0
23200101	Chính trị	5	90	60	30	0
23102102	Giáo dục thể chất	2	60	0	60	0
23102101	Giáo dục quốc phòng	4	75	45	30	0
23103102	Tin học (khối Kỹ thuật)	3	75	15	60	0
23100101	Kỹ năng mềm	2	45	15	30	0
	Ngoại ngữ: chọn 1 trong 2 ngoại ngữ					
	-Tiếng Anh:					
23300101	Anh văn 1	2	45	15	30	0
23300102	Anh văn 2	2	45	15	30	0
23300103	Anh văn chuyên ngành khối Công nghệ kỹ thuật	2	30	30	0	0
	-Tiếng Nhật:					
21700101	Tiếng Nhật căn bản 1	4	60	60	0	0
21700102	Tiếng Nhật căn bản 2	4	60	60	0	0
21700103	Tiếng Nhật căn bản 3	4	60	60	0	0
II	Các môn học chuyên môn	53	1335	375	960	0
II.1	Môn học cơ sở	18	330	210	120	0
24201104	Hình họa - Vẽ kỹ thuật 1	3	45	45	0	0
23502102	Sức bền vật liệu 1	3	45	45	0	0
23502101	Cơ học kết cấu	3	60	30	30	0
23501104	Cơ học đất	2	45	15	30	0
23506119	Trắc địa	2	45	15	30	0
23900118	Vật liệu xây dựng	3	60	30	30	0
23601108	Pháp luật trong xây dựng	2	30	30	0	0
II.2	Môn học chuyên môn	27	795	135	660	0
23503107	Kết cấu công trình cầu đường	3	60	30	30	0
23503109	Nền móng cầu đường	2	45	15	30	0
23503116	Thiết kế đường ô tô	2	45	15	30	0
23503115	Thiết kế cầu	3	60	30	30	0
23503113	Thi công đường ô tô	2	45	15	30	0
23503112	Thi công cầu	3	60	30	30	0
23401114	Thực hành tay nghề cơ bản 1	2	60	0	60	0
23401115	Thực hành tay nghề cơ bản 2	2	60	0	60	0
23503117	Thực tập TN ngành giao thông	3	135	0	135	0
23503108	Khóa luận TN ngành giao thông	5	225	0	225	0
	- Môn học thay thế khóa luận					
23503105	Đồ án tổ chức thi công cầu đường	2	60	0	60	0
23503106	Đường đô thị	3	60	30	30	0
II.3	Môn học tự chọn (chọn tối thiểu 8tc trong các MH sau)	8	210	30	180	0
	NHÓM 1: CẦU	8	195	45	150	0
23503103	Đồ án thiết kế cầu	2	60	0	60	0

23503101	Đồ án thi công cầu	2	60	0	60	0
23503110	Quản lý khai thác cầu	2	45	15	30	0
23506101	An toàn lao động	2	30	30	0	0
	NHÓM 2: ĐƯỜNG	8	210	30	180	0
23503104	Đồ án thiết kế đường ô tô	2	60	0	60	0
23503102	Đồ án thi công đường ô tô	2	60	0	60	0
23503114	Thí nghiệm vật liệu đường	2	60	0	60	0
23503111	Quản lý khai thác đường ô tô	2	30	30	0	0
	Tổng cộng	75	1800	570	1230	0

- Các môn học/môđun của chương trình đào tạo năm 2021(theo QĐ 633/ QĐ - CĐXD ngày 25 tháng 08 năm 2021

Mã MH/MĐ	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập			
			Tổng số giờ	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo luận	Thi/Kiểm tra
	-3	-4	-5	-6	-7	-8
A	HỌC PHẦN CHUNG/ĐẠI CƯƠNG					
I	Học phần bắt buộc	21	435	185	229	21
23200101	Chính trị	4	75	41	29	5
23102102	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
23102101	Giáo dục quốc phòng	4	75	48	25	2
23103102	Tin học đại cương	3	75	15	58	2
23800029	Pháp luật đại cương	2	30	18	10	2
23300101	Anh văn 1	2	45	15	28	2
23300102	Anh văn 2	2	45	15	28	2
23300103	Anh văn 3	2	30	28	0	2
B	HỌC PHẦN CHUYÊN MÔN	58	1395	450	886	54
I	Học phần cơ sở	19	375	192	149	19
1	Học phần bắt buộc	17	345	164	149	17
24201104	Hình họa - Vẽ kỹ thuật 1	3	60	30	28	2
23502102	Sức bền vật liệu 1	3	45	25	18	2
23502101	Cơ học kết cấu	3	60	29	28	3
23501104	Cơ học đất	2	45	25	18	2

23506119	Trắc địa	3	75	25	30	5
23900118	Vật liệu xây dựng	3	60	30	27	3
2	Học phần tự chọn	2	30	28	0	2
	Auto cad xây dựng	2	45	15	30	0
23506101	An toàn lao động	2	30	27	0	3
	Trắc địa nâng cao	2	45	15	30	0
23100101	Kỹ năng mềm	2	45	15	30	0
II	Học phần chuyên môn	39	1020	258	737	35
1	Học phần bắt buộc	37	975	243	709	33
23503107	Kết cấu công trình cầu đường	3	60	30	28	2
23503109	Nền móng cầu đường	2	45	15	28	2
23503116	Thiết kế đường ô tô	2	45	15	28	2
23503104	Đồ án thiết kế đường ô tô	2	60	10	45	0
23503115	Thiết kế cầu	3	60	30	28	2
23503103	Đồ án thiết kế cầu	2	60	15	45	0
23503113	Thi công đường ô tô	3	60	30	28	2
23503102	Đồ án thi công đường ô tô	2	60	15	45	0
23503112	Thi công cầu	3	60	30	28	2
23503101	Đồ án Thi công cầu	2	60	15	45	0
	Hạ tầng kỹ thuật	2	45	15	28	2
	Tin học ứng dụng cầu đường	2	60	5	50	5
23503114	Thí nghiệm vật liệu đường	2	60	0	60	0
23503	Thực hành tay nghề cầu đường 1	2	60	7	48	5
23503	Thực hành tay nghề cầu đường 2	2	60	6	50	4
23503117	Thực tập TN ngành giao thông	3	135	5	125	5
2	Học phần tự chọn (tối thiểu 2TC)	2	45	15	28	2
23503110	Quản lý khai thác đường	2	45	15	28	2
23503110	Quản lý khai thác cầu	2	45	15	28	2
	Quản lý giám sát khối lượng	2	45	15	28	2
23601103	Dự toán xây dựng	3	60	25	35	5
C	HỌC PHẦN TỐT NGHIỆP	5	225	0	225	0
1	Học phần bắt buộc	5	0	0	225	0
23503108	Khóa luận TN ngành giao thông	5	225	0	225	0

2	Học phần thay thế khóa luận					
23503105	Đồ án tổ chức thi công cầu đường	2	60	0	60	0
23503106	Đường đô thị	3	60	30	30	0
	Tổng cộng	84	2055	635	1340	75

3.5 Địa điểm đào tạo, quy mô tuyển sinh theo giấy đăng ký hoạt động dạy nghề, kế hoạch, số lượng tuyển sinh, tỷ lệ tốt nghiệp

- Quy mô tuyển sinh theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động dạy nghề tại từng cơ sở đào tạo:

+ Trụ sở chính: Tại trường Cao đẳng xây dựng TP HCM

- Kế hoạch, số lượng tuyển sinh, tỷ lệ tốt nghiệp tại từng cơ sở đào tạo (Bổ sung số liệu cho đầy đủ)

TT	Khóa học	Số lượng tuyển sinh		Tỷ lệ tuyển sinh so với kế hoạch	Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp (%)	Ghi chú
		Theo kế hoạch	Thực tế			
I	Tại trụ sở chính					
1	Năm 2019	35	11	31.43	100%	
2	Năm 2020	35	7	20.00%		Chưa TN
3	Năm 2021	35	8	22.85%		Chưa TN
4	Năm 2022	35	10	28.57%		Chưa TN
5	Năm 2023	35	9	28.57%		Chưa TN
	Cộng	140	42			

3.6 .Đội ngũ nhà giáo

(Thống kê nhà giáo đội ngũ giáo viên tham gia giảng dạy tất cả các môn học, mô đun nghề của chương trình đào tạo, không tính giáo viên dạy các môn cơ sở)

- Nam: 2 - Nữ: 3

Trình độ đào tạo	Nam	Nữ	Tổng số
Nghiên cứu sinh	1		1
Thạc sĩ	1	3	4
Đại học			
Cao đẳng			
Trung cấp			

Trình độ đào tạo	Nam	Nữ	Tổng số
Công nhân bậc 5/7 trở lên	2	3	5
Trình độ khác			
Tổng số	2	3	5

3.7 Cơ sở vật chất phục vụ chương trình đào tạo

Bộ môn Cầu đường thuộc Khoa Xây dựng là một Khoa chuyên môn của trường Cao đẳng Xây dựng TP. HCM, chịu trách nhiệm quản lý 04 ngành nghề ở 02 cấp trình độ:

+ Trình độ cao đẳng: nghề Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng, Công nghệ kỹ thuật giao thông; Quản lý tòa nhà; Trắc địa công trình.

+ Trình độ trung cấp Nghề Xây dựng dân dụng và công nghiệp.

Trong những năm qua, nhà trường có sự đầu tư về cơ sở vật chất, trang thiết bị giảng dạy, xưởng thực hành tương đối qui mô và hiện đại đáp ứng yêu cầu giảng dạy của toàn trường, bao gồm các ngành nghề do khoa Xây dựng quản lý chuyên môn. Hệ thống cơ sở vật chất phục vụ chương trình đào ngành CNKT CT Xây dựng bao gồm:

+ Các phòng học lý thuyết được trang bị đầy đủ hệ thống âm thanh, ánh sáng và máy chiếu phục vụ giảng dạy.

+ Các phòng máy tính có cài đặt các phần mềm chuyên ngành xây dựng.

+ Hệ thống 06 xưởng thực hành với trang thiết bị hiện đại để phục vụ giảng dạy _ thuộc Trung tâm đào tạo thực hành và ứng dụng công nghệ xây dựng quản lý (cơ sở 3)_ bao gồm các xưởng như Xưởng thực hành Nê - Cốt thép – Bê tông, Xưởng thực hành Hàn, Xưởng thực hành Mộc, Xưởng thực hành Nước, Xưởng thực hành Điện.

+ Phòng thí nghiệm VLXD đạt tiêu chuẩn LAS của Bộ Xây dựng – do BM Vật liệu xây dựng quản lý – hiện đặt tại cơ sở 3.

+ Thư viện – thư viện số: cung cấp thông tin, tài liệu, giáo trình..phục vụ đào tạo

Hạng mục, công trình do đơn vị quản lý

TT	Hạng mục, công trình	Đơn vị tính	Tổng số	Ghi chú (đang xây dựng hoặc đã hoàn thành)
1	Văn phòng Khoa	m ²	80	Đã hoàn thành
2	Phòng học lý thuyết	m ²	6400	Đã hoàn thành
3	Xưởng thực hành	m ²	3031	Đã hoàn thành

Trang thiết bị do đơn vị quản lý

TT	Hạng mục, công trình	Đơn vị tính	Tổng số	Ghi chú
1	Tổng số máy tính của đơn vị	Chiếc	04	
2	Máy in A4	Chiếc	03	
3	Máy thuỷ bình	Bộ	12	
4	Máy thuỷ bình laser	Bộ	01	
5	Máy chiếu thiên đỉnh	Bộ	01	
5	Máy kinh vĩ	Bộ	15	02 máy điện tử và 13 máy quang học
6	Máy toàn đạc điện tử	Bộ	01	

PHẦN II. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tổng quan chung

1.1. Căn cứ tự đánh giá

- Bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng Trường Cao đẳng nghề do Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành theo Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 8/6/2017 Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

- Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 16 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Quy trình kiểm định chất lượng dạy nghề;

- Công văn số 454/TCGDNN-KĐCL ngày 25 tháng 3 năm 2019 của Tổng cục dạy nghề về việc Hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp và cao đẳng .

- Kế hoạch thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo năm 2024 số 706/KH-CDXD ngày 16 tháng 08 năm 2024 của Trường Cao đẳng Xây dựng TP Hồ Chí Minh

1.2. Mục đích tự đánh giá

Đánh giá, xác định mức độ thực hiện như: mục tiêu, chương trình, nội dung dạy nghề, cơ sở vật chất, trang thiết bị thực hành, dịch vụ cho người học của nhà trường và các điều kiện học tập của học sinh, giảng dạy của giáo viên so với bộ tiêu chí.

Xác định mức độ đạt được của nhà trường thông qua việc đối chiếu, so sánh với các yêu cầu của bộ tiêu chí (bao gồm các tiêu chuẩn và chỉ số) kiểm định chất lượng đào tạo nghề của Trường Cao đẳng nghề.

Phát hiện các điểm không phù hợp cần cải thiện trong thời gian ngắn và dài hạn, qua đó giúp trường hoạch định chiến lược phát triển các nguồn lực trong từng giai đoạn, tiến tới xây dựng trường trở thành đơn vị dạy nghề đạt chất lượng cao.

1.3. Yêu cầu tự đánh giá

1. Đảm bảo đánh giá toàn bộ hoạt động của Trường
2. Có sự tham gia của tất cả đơn vị, cá nhân có liên quan của Trường.
3. Đánh giá theo hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp hiện hành và các hướng dẫn có liên quan.
4. Đảm bảo trung thực, khách quan, đầy đủ minh chứng hợp lệ để chứng minh cho nhận định trong tự đánh giá chất lượng.
5. Kết quả tự đánh giá chất lượng phải được công khai trong nội bộ trường, được cập nhật vào cơ sở dữ liệu của hệ thống thông tin quản lý của cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp và được lưu trữ cùng toàn bộ minh chứng, tài liệu liên quan.

1.4. Phương pháp tự đánh giá

1. Căn cứ vào Bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trường Cao đẳng nghề, Trường Cao đẳng Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện công tác tự đánh giá, thu thập thông tin, minh chứng về từng hoạt động và kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của trường.

2. Đánh giá, xác định mức độ đạt được theo từng chỉ số, tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chương trình có liên quan, phân tích, chỉ rõ các điểm mạnh, tồn tại và nguyên nhân, đề xuất kế hoạch hành động nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của Trường.

3. Viết báo cáo kết quả tự đánh giá chương trình của Trường và gửi hội đồng Đánh giá của Trường.

4. Tổ chức quản lý, duy trì cơ sở dữ liệu, thông tin, minh chứng về các hoạt động của Trường.

1.5. Các bước tiến hành tự đánh giá

1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình.

2. Thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình.

3. Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình.

4. Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình và gửi cơ quan có thẩm quyền.

2. Tự đánh giá

2.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá:

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn (Ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của Trường về chương trình đào tạo
	ĐỀ XUẤT KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC		Đạt chuẩn chất lượng
	Tổng điểm	100	94
1	Tiêu chí 1: Mục tiêu, quản lý và tài chính	6	6
	a) Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.	2	2
	b) Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo; khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo.	2	2
	c) Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.	2	2
2	Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo	14	10
	a) Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.	2	0
	b) Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và	2	2

	tổ chức đào tạo theo quy định.		
	c) Tiêu chuẩn 3: Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.	2	2
	d) Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	2	2
	đ) Tiêu chuẩn 5: Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định.	2	2
	e) Tiêu chuẩn 6: Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.	2	2
	g) Tiêu chuẩn 7: Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định.	2	0
	Tiêu chí 3 - Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên	16	16
	a) Tiêu chuẩn 1: 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	2
	b) Tiêu chuẩn 2: Hàng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	2	2
	c) Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỷ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.	2	2
	d) Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.	2	2
	đ) Tiêu chuẩn 5: Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.	2	2
	e) Tiêu chuẩn 6: 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.	2	2
	g) Tiêu chuẩn 7: 100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	2
	h) Tiêu chuẩn 8: Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo	2	2

	giao		
	4. Tiêu chí 4 - Chương trình, giáo trình	24	22
	a) Tiêu chuẩn 1: Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	2
	b) Tiêu chuẩn 2: Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo.	2	2
	c) Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp.	2	2
	d) Tiêu chuẩn 4: Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bố thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.	2	2
	đ) Tiêu chuẩn 5: Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo.	2	2
	e) Tiêu chuẩn 6: Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	2
	g) Tiêu chuẩn 7: Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ.	2	2
	h) Tiêu chuẩn 8: Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.	2	2
	i) Tiêu chuẩn 9: Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	2
	k) Tiêu chuẩn 10: 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	2
	l) Tiêu chuẩn 11: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.	2	2
	m) Tiêu chuẩn 12: Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	2
	Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện	16	14

a) Tiêu chuẩn 1: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.	2	2
b) Tiêu chuẩn 2: Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.	2	0
c) Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo.	2	2
d) Tiêu chuẩn 4: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.	2	2
đ) Tiêu chuẩn 5: Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.	2	2
e) Tiêu chuẩn 6: Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.	2	2
g) Tiêu chuẩn 7: Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.	2	2
h) Tiêu chuẩn 8: Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy	2	2
Tiêu chí 6 - Dịch vụ cho người học	8	8
a) Tiêu chuẩn 1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo: quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học.	2	2
b) Tiêu chuẩn 2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập.	2	2
c) Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường	2	2

lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.		
d) Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.	2	2
Tiêu chí 7 - Giám sát, đánh giá chất lượng	16	16
a) Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	2
b) Tiêu chuẩn 2: Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp.	2	2
c) Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý.	2	2
d) Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học.	2	2
đ) Tiêu chuẩn 5: Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định.	2	2
e) Tiêu chuẩn 6: Hàng năm, cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài (nếu có).	2	2
g) Tiêu chuẩn 7: Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 50% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	2	2
h) Tiêu chuẩn 8: Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.	2	2

2.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn

2.2.1. Tiêu chí 1. Mục tiêu, quản lý và tài chính

Đánh giá tổng quát tiêu chí 1:

Mở đầu: Mục tiêu của Bộ môn Cầu đường là đào tạo sinh viên nghề Công nghệ kỹ thuật Giao thông có đủ năng lực phù hợp với yêu cầu sử dụng nhân sự của địa

7.1.02- Danh sách các đơn vị sử dụng lao động là HSSV tốt nghiệp của trường được thu thập thông tin từ 2021-2023;

7.1.03 -Phiếu khảo sát thu thập thông tin các đơn vị sử dụng lao động từ 2021-2024;

7.1.04 - Báo cáo kết quả khảo sát về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại doanh nghiệp đối với đơn vị sử dụng lao động năm 2021,2022,2023: Báo cáo "Kết quả khảo sát doanh nghiệp năm 2020" ngày 15/09/2020; Báo cáo "Kết quả khảo sát doanh nghiệp năm 2021", Báo cáo "Kết quả khảo sát doanh nghiệp năm 2022, Báo cáo "Kết quả khảo sát doanh nghiệp năm 2023)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 7: 2 điểm

PHẦN III. TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tiêu chí	Những điểm hạn chế	Kế hoạch khắc phục điểm hạn chế			
		Nội dung công việc sẽ triển khai	Thời gian dự kiến hoàn thành	Cá nhân, đơn vị chủ trì thực hiện	Cá nhân, đơn vị phối hợp thực hiện
Tiêu chí 1: <i>Mục tiêu, quản lý và tài</i>		Năm 2024 kết hợp với các ngành, đơn vị tiếp tục khai thác nguồn lực sẵn có của trường để đảm bảo	2025	Phòng KHTV	Khoa xây dựng

chính		đủ nguồn thu, đảm bảo mức chi tối thiểu theo quy định.			
Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo	Triển khai công tác quản lý có nhiều cải tiến, thay đổi và áp dụng phần mềm mới nên giảng viên đôi lúc còn lúng túng.	Tăng cường áp dụng công nghệ trong phân tích, quản lý, cảnh báo sớm trong quá trình quản lý các hoạt động trong nhà trường.	2024 - 2025	Phòng Đào tạo	Khoa xây dựng
Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên	- Quy mô của các công trình nghiên cứu khoa học còn thực hiện ở mức cấp trường, chưa có nhiều đề tài cấp tỉnh và cấp quốc gia. - Còn 1 số giáo viên của khoa xây dựng chưa có chứng chỉ kỹ năng nghề theo quy định;	- Đẩy mạnh và động viên CBGV tham gia công tác nghiên cứu khoa học cấp tỉnh và cấp Quốc gia - Cử giáo viên khoa xây dựng đi ôn tập, tham gia các kỳ thi kỹ năng nghề đạt trình độ theo quy định -Tạo môi trường thuận lợi (giao lưu, tổ chức lớp học..) để nâng cao khả năng giao tiếp – giảng dạy bằng tiếng Anh, phù hợp với định hướng phát triển hội nhập	2024 - 2025	Giáo viên Khoa xây dựng	Phòng TCHC
Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình	Trường chưa thực hiện liên thông chương trình CNKT GT lên đại học	Trường phối hợp với trường đại học xây dựng chương trình lên kết và tổ chức liên thông đào tạo nghề CNKT GT	2024 - 2025	Khoa xây dựng	Phòng Đào tạo
Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện	Vì đặc trưng nghề CNKT GT nên hiện nay Khoa vẫn chưa có đầy đủ phần mềm mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy.	Trường và Khoa sẽ xây dựng các phần mềm mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy cho nghề Công nghệ kỹ thuật Giao thông	2024 - 2025	Khoa xây dựng	Phòng Đào tạo
Tiêu chí 6: Dịch vụ cho người		Năm 2024 – 2025 kết hợp với các ngành, đơn vị tổ chức đa dạng các	2024 - 2025	Phòng Công tác HSSV	Các đơn vị trực thuộc (Trung

<i>học</i>		hoạt động phong trào cho học sinh, sinh viên.			tâm Đào tạo & Hướng nghiệp, Ký túc xá...)
Tiêu chí 7: <i>Giám sát, đánh giá chất lượng</i>		Năm học 2024 – 2025 Phòng KT&KĐCL tiếp tục sử dụng phần mềm khảo sát mức độ hài lòng của HSSV đối với công tác đào tạo của nhà trường.	2024 - 2025	Phòng KT&KĐCL	Các đơn vị trong trường

PHẦN IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Việc triển khai tự đánh giá CTĐT ngành Công Nghệ kỹ thuật Giao thông là khâu quan trọng trong việc đảm bảo CLĐT của Khoa xây dựng cũng như của Nhà trường. Dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ LĐTĐ ban hành, Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và các nhóm công tác đã tự xem xét, báo cáo về tình trạng chất lượng, hiệu quả hoạt động đào tạo, NCKH, nhân lực, CSVC và các vấn đề liên quan khác thuộc CTĐT ngành CNKTGT, qua đó thấy được những mặt mạnh, những mặt tồn tại để Bộ môn Cầu đường - Khoa xây dựng triển khai các kế hoạch hành động nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng CTĐT và đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

Sau đây là tóm tắt những điểm mạnh cần phát huy, những điểm tồn tại cần khắc phục và kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT.

1. Những điểm mạnh của CTĐT ngành Công Nghệ kỹ thuật Giao thông

1.1. Về mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT ngành Công Nghệ kỹ thuật Giao thông được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường ĐHXD TP HCM, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học và mục tiêu đào tạo của Khoa Xây dựng.

CĐR của CTĐT ngành Công Nghệ kỹ thuật Giao thông được xác định rõ ràng, thể hiện rõ các yêu cầu về trình độ kiến thức chuyên môn, năng lực, kỹ năng thực hành, phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe đối với người học khi tốt nghiệp; được định kỳ rà soát, điều chỉnh dựa trên cơ sở tham khảo các chương trình tiên

tiến, từ các nhà tuyển dụng lao động, người học, cựu người học và được công bố công khai theo quy định.

Mục tiêu của CTĐT tuy đã được rà soát, điều chỉnh, nhưng vẫn chưa cập nhật một cách kỹ lưỡng về tính phù hợp với nhu cầu xã hội khu vực vùng Tp.HCM hiện nay do sự phân cực về trình độ người học và điều kiện kinh tế xã hội các khu vực; CDR hiện nay được rà soát, điều chỉnh theo chu kỳ 3 năm, chưa được điều chỉnh đồng bộ thường xuyên theo từng năm học dựa trên việc lấy YKPH của cựu người học, GV, các nhà khoa học và các nhà tuyển dụng lao động. Điều chỉnh linh hoạt mỗi năm chỉ trong phạm vi nhỏ, trong năng lực cho phép của khoa.

1.2. Về bản mô tả chương trình đào tạo

Bản mô tả CTĐT ngành Công Nghệ kỹ thuật Giao thông thể hiện đầy đủ thông tin, tích hợp những nội dung mới nhất liên quan; xu hướng đào tạo hiện đại. Đề cương chi tiết các học phần thể hiện rõ mọi thông tin liên quan đến học phần, cấu trúc, nội dung, phương pháp kiểm tra đánh giá, được cập nhật, đáp ứng xu thế phát triển về các lĩnh vực liên quan đến ngành.

Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần được công bố công khai rộng rãi, tạo điều kiện cho các bên liên quan dễ dàng tiếp cận, đặc biệt để SV đưa ra lựa chọn hợp lý cho lộ trình, kế hoạch học tập của bản thân theo từng học kỳ, từng năm và trong toàn khóa học.

1.3. Về cấu trúc và nội dung

Ngành công Nghệ kỹ thuật Giao thông được thiết kế dựa trên mục tiêu đào tạo và bám sát CDR, đảm bảo tính hợp lý và logic giữa các học phần. Các học phần được cấu trúc hợp lý, gắn kết giữa các khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ bản, cơ sở ngành và chuyên môn ngành. Mục tiêu và nội dung chi tiết của từng học phần đảm bảo và thể hiện rõ yêu cầu cần đạt của CDR.

1.4. Về phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Mục tiêu giáo dục ngành Công Nghệ kỹ thuật Giao thông được tuyên bố rõ ràng và cụ thể hóa trong đề cương các học phần, được phổ biến rộng rãi tới người học, GV, cộng đồng và xã hội. Các hoạt động dạy và học, nhất là các phương pháp dạy học lý thuyết và thực hành của các học phần được GV trong Khoa lựa chọn sử dụng đa dạng, tương thích với CDR.

1.5. Về đánh giá kết quả học tập của người học

Hoạt động đánh giá kết quả học tập của người học bám sát các yêu cầu CDR của CTĐT về kiến thức, kỹ năng và thái độ. Các quy định về đánh giá kết quả học

tập được thể hiện rõ trong các đề cương học phần, CTĐT và được thông báo công khai tới người học. Các phương pháp, hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV đa dạng (kiểm tra viết, vấn đáp, bài tập lớn, đồ án, đánh giá qua các hoạt động thuyết trình...); đề thi được Bộ môn duyệt trước khi đưa vào sử dụng nên đảm bảo độ tin cậy, khách quan. Kết quả học tập của người học được thông báo kịp thời, lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn. Khoa luôn tạo điều kiện để người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập và đã giải quyết tốt các trường hợp cụ thể.

1.6. Về đội ngũ GV, nghiên cứu viên

Đội ngũ GV, nghiên cứu viên của Khoa để thực hiện CTĐT ngành Công Nghệ kỹ thuật Giao thông được quy hoạch nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH. Tỷ lệ GV/người học của CTĐT đảm bảo theo quy định về xác định chỉ tiêu đào tạo, đáp ứng khối lượng của CTĐT. Việc tuyển dụng, bổ nhiệm GV, nghiên cứu viên của Khoa và ngành Công Nghệ kỹ thuật Giao thông theo kế hoạch, quy hoạch của Trường, của Khoa và tuân thủ quy trình, tiêu chí rõ ràng, công khai theo quy định Nhà trường đã ban hành. Đội ngũ GV phục vụ CTĐT thực hiện đủ định mức giờ giảng và NCKH theo quy định của Nhà trường.

1.7. Về đội ngũ nhân viên

Đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH. Các văn bản, tiêu chí, quy trình tuyển dụng nhân viên được Nhà trường quy định cụ thể và được công bố công khai. Hoạt động đánh giá và phân loại đội ngũ nhân viên được thực hiện thường xuyên hàng năm và theo các tiêu chuẩn được quy định cụ thể về thi đua, khen thưởng, đảm bảo chính xác, công bằng, công khai. Nhà trường và đơn vị xác định nhu cầu và có các hoạt động cụ thể để triển khai kế hoạch đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên.

1.8. Về người học và hoạt động hỗ trợ người học

Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công khai và cập nhật thường xuyên; các tiêu chí và phương thức tuyển chọn mang tính lượng hóa, giúp cho Nhà trường và Khoa có thể tuyển được thí sinh có kết quả thi tuyển, đánh giá năng lực từ cao xuống thấp. Đội ngũ CVHT của Khoa là những người có nhiệt huyết và kinh nghiệm trong công tác của mình, luôn hỗ trợ, tư vấn kịp thời cho người học về ngành học, CTĐT, hoạt động NCKH, ngoại khóa..., và luôn theo dõi

kết quả, sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học, vì vậy tạo ra tâm thế học tập tích cực ở SV ngay từ năm thứ nhất. Bên cạnh đó, các hoạt động của Đoàn Thanh niên, Hội SV của Trường, của Khoa đã tổ chức nhiều hoạt động ngoại khóa, tư vấn phương pháp học tập, phong trào thi đua, các chương trình hỗ trợ SV tìm hiểu thực tế, giới thiệu tìm kiếm cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp... đã giúp SV không chỉ cải thiện, nâng cao thành tích học tập mà còn đem lại khả năng có việc làm khi ra trường.

Ngoài ra, Trường có một cảnh quan xanh - sạch - đẹp vào hàng đầu các trường đại học trong nước; môi trường văn hóa học đường luôn được giữ gìn với bầu không khí thân thiện, cởi mở, tôn trọng; an ninh trật tự địa phương và Nhà trường luôn được đảm bảo, tạo sự thuận lợi cho hoạt động đào tạo, NCKH của Trường, của Khoa và sự phấn khởi, thoải mái trong học tập và rèn luyện, sinh hoạt cho người học.

1.9. Về cơ sở vật chất và trang thiết bị

Nhà trường có hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành, thư viện, nhà luyện tập thể dục thể thao... được trang bị, lắp đặt các phương tiện, thiết bị phù hợp, hiện đại hỗ trợ có hiệu quả cho các hoạt động đào tạo, NCKH và luyện tập, vui chơi, giải trí. Thư viện của Nhà trường có nguồn tài liệu dồi dào, phong phú và được cập nhật; đặc biệt hệ thống phòng thí nghiệm - thực hành phục vụ các hoạt động đào tạo và nghiên.

Công tác vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, an ninh trật tự và khám sức khỏe định kỳ cho GV, người học được thực hiện đầy đủ theo các tiêu chuẩn quy định; một số giảng đường, khu luyện tập TĐTT.

1.10. Về nâng cao chất lượng

Việc thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan được thực hiện thường xuyên và có hiệu quả với hình thức đa dạng. Thông tin phản hồi được phân loại, xử lý, phân tích với tính khoa học, độ tin cậy cao

Quá trình dạy và học, quy trình, hình thức kiểm tra đánh giá được thực hiện một cách chặt chẽ, nghiêm túc, đa dạng và linh hoạt, phù hợp với đào tạo tín chỉ và luôn được rà soát, đánh giá để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR của CTĐT; đồng thời góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng đào tạo. Khoa cũng đã xây dựng được phong trào NCKH trong GV và SV, phần lớn các đề tài, kết

quả NCKH đều gắn với các nhiệm vụ đào tạo, giúp cải tiến, nâng cao chất lượng dạy và học và có giá trị thực tiễn trong phục vụ cộng đồng.

1.11. Về kết quả đầu ra

Nhà trường và Khoa đã thực hiện tốt việc quản lý và giám sát kế hoạch học tập, kết quả học tập và thời gian tốt nghiệp của SV thông qua các CVHT, duy trì sinh hoạt lớp hàng tháng để nhắc nhở kịp thời tình hình, kế hoạch học tập của SV; thường xuyên thống kê và cập nhật chính xác tỉ lệ SV thôi học, bỏ học và tỉ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn. Đa số SV tốt nghiệp ngành Công Nghệ kỹ Giao thông đều có việc làm phù hợp sau khi ra trường, đáp ứng được yêu cầu về nguồn nhân lực.

Khoa có kế hoạch phát triển, triển khai hướng dẫn và theo dõi, giám sát hiệu quả hoạt động NCKH của SV, tập trung các hướng nghiên cứu ứng dụng, có tính thực tiễn cao; sử dụng hiệu quả các thiết bị hiện đại trong nghiên cứu thí nghiệm và thực hành; thường xuyên tổ chức các hoạt động câu lạc bộ học thuật để trao đổi, định hướng nghiên cứu cho SV, nhất là SV năm thứ nhất.

2. Những điểm tồn tại của CTĐT ngành Công nghệ kỹ thuật Giao thông

2.1. Về mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT chưa được rà soát, điều chỉnh và cập nhật một cách kỹ lưỡng về tính phù hợp với nhu cầu xã hội hiện nay; CDR chưa được rà soát, điều chỉnh thường xuyên theo từng năm học dựa trên việc lấy YKPH của cựu người học, GV, các nhà khoa học và các nhà tuyển dụng lao động. Điều chỉnh linh hoạt mỗi năm chỉ trong phạm vi nhỏ, trong năng lực cho phép của khoa

2.2. Về bản mô tả chương trình đào tạo

Tiến trình đào tạo được mô tả trong CTĐT còn chưa đáp ứng nhu cầu học vượt, học sớm của người học; việc thông tin bản mô tả CTĐT tới các bên có liên quan vẫn chưa được thực hiện một cách bài bản và chuyên nghiệp.

Cơ sở dữ liệu, tài liệu tham khảo được cập nhật của CTĐT ngành Công Nghệ kỹ thuật Giao thông còn thiếu; Việc lấy YKPH của cựu người học, GV, các nhà khoa học và các nhà tuyển dụng lao động để góp ý CTĐT chưa được thực hiện thường xuyên, đối tượng còn hạn hẹp.

2.3. Về cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Thông tin phản hồi của SV về chất lượng chưa đầy đủ và liên tục; ý kiến đóng góp của các nhà tuyển dụng, người học đối với các học phần chưa thực sự rõ ràng. Một số học phần còn dạy theo cách truyền thống, chưa ứng dụng phương pháp, kỹ

thuật hiện đại vào việc giảng dạy dẫn đến bài giảng chưa thực sự sinh động và trực quan.

2.4. Về phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Việc tổ chức lấy ý kiến đóng góp của doanh nghiệp, nhà tuyển dụng đối với mục tiêu giáo dục chưa được tiến hành thường xuyên và rộng khắp; SV chưa thật sự thích nghi với phương pháp học tập tích cực như tự học, tự nghiên cứu, nhất là SV năm thứ nhất; CSVC chưa đáp ứng tốt điều kiện tổ chức làm các bài tập nhóm (bàn ghế không linh hoạt cho việc di chuyển); số lượng SV trong một lớp học còn đông nên nhiều học phần chưa phát huy được tính tự giác và tích cực của người học trong quá trình tương tác với GV. Trong bối cảnh tuyển sinh ngày càng khó khăn do đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt từ bậc đại học, chất lượng đầu vào nhìn chung có khuynh hướng giảm dần, hình thành năng lực tự học và phát triển năng lực tư duy chủ động cho người học thực sự là nhiệm vụ khó khăn.

2.5. Về đánh giá kết quả học tập của người học

Việc đánh giá kết quả học tập chưa thống kê phân tích định lượng từng đề thi theo cấp độ dễ, trung bình, khó, quá khó để phân loại và đánh giá kết quả học tập của người học một cách chính xác; việc cập nhật thông tin các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học còn hạn chế. Việc công bố điểm cuối kỳ cho SV đôi khi còn chậm dẫn đến ít nhiều ảnh hưởng đến SV trong việc phúc tra điểm và đăng ký môn học, đặc biệt đối với SV chuẩn bị tốt nghiệp.

2.6. Về đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Kế hoạch phát triển đội ngũ GV về kỹ năng giảng dạy chưa được Khoa và Nhà trường quan tâm thường xuyên và đúng mức; trình độ tiếng Anh của các GV chưa đồng đều và còn nhiều hạn chế; Số công trình NCKH của GV chưa đi sâu vào các vấn đề tồn tại của doanh nghiệp và phục vụ tốt cộng đồng; số lượng đề tài hàng năm được Nhà trường phân bổ về Khoa để GV và SV nghiên cứu còn quá ít so với nhu cầu. Kinh phí dành cho các đề tài nghiên cứu còn hạn chế.

2.7. Về đội ngũ nhân viên

Công tác quy hoạch, phát triển về chất lượng đội ngũ nhân viên chưa được thực hiện thường xuyên và đồng bộ; các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ chưa phong phú và thường xuyên. Nhà trường chưa phân tích đề án việc làm thường xuyên để xác định các chỉ tiêu tuyển dụng, sử dụng đội ngũ nhân viên hợp lý; chưa có hệ thống văn bản quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với nhân viên

và quy định về việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên.

2.8. Về người học và hoạt động hỗ trợ người học

Chính sách tuyển sinh của Khoa vẫn còn một số tồn tại: hình ảnh và thông tin về ngành học, về đơn vị đào tạo chưa được hấp dẫn và chi tiết; chưa có các hình thức quảng bá để thu hút được những thí sinh giỏi, có năng lực và sự đam mê về ngành vào học; tỷ lệ thí sinh đăng ký nhập học thấp. Chất lượng đầu vào của người học thấp, nội dung một số học phần của CTĐT còn nặng tính lý thuyết, tính hàn lâm dẫn đến kết quả học tập chưa cao, số SV có học lực trung bình khó hoàn thành khóa học đúng thời hạn. Số lượng SV tham gia NCKH chưa nhiều. Hoạt động khảo sát lấy ý kiến người học về các hoạt động học tập, ngoại khóa, thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác chưa được thực hiện đồng bộ. Không gian làm việc của Khoa còn chật hẹp dẫn

đến những khó khăn và bất tiện trong việc gặp gỡ SV.

2.9. Về cơ sở vật chất và trang thiết bị

Việc lấy YKPH từ người học về CSVC và trang thiết bị chưa được tiến hành thường xuyên. Công tác liên kết, mở rộng quan hệ hợp tác với Thư viện, các tổ chức quốc tế, các nhà xuất bản chưa được phát triển mạnh. Nguồn tài liệu phục vụ chuyên ngành Công Nghệ kỹ thuật Giao thông chưa nhiều. Một số phòng thí nghiệm chưa được nâng cấp kịp thời, vẫn còn có các thiết bị cũ và lạc hậu.

2.10. Về nâng cao chất lượng

Số lượng doanh nghiệp tham gia đánh giá CTĐT ngành Công Nghệ kỹ thuật Giao thông chưa nhiều, phạm vi khảo sát mới chỉ giới hạn ở các doanh nghiệp trong khu vực Miền Nam. Thiếu các văn bản ký kết với đơn vị tuyển dụng hoặc có tiềm năng tuyển dụng. Thời lượng thực hành trong CTĐT còn ít; số lượng các học phần để phát triển kỹ năng mềm cho sinh viên lựa chọn chưa nhiều. Việc lấy YKPH của các bên liên quan về quá trình dạy - học và đánh giá kết quả học tập của người học chưa được đồng bộ, chưa có nhiều YKPH từ các nhà tuyển dụng, các chuyên gia giáo dục, các cán bộ quản lý. Các đề tài NCKH của Khoa chủ yếu là đề tài cấp trường với nguồn kinh phí hạn chế, chất lượng các đề tài còn nhiều mặt hạn chế, chưa có nhiều công bố trên các tạp chí khoa học quốc tế.

Các dịch vụ hỗ trợ người học còn hạn chế, chưa thực hiện cải tiến chất lượng. Nguồn học liệu phục vụ học tập và giảng dạy ngành Công Nghệ kỹ thuật Giao thông còn thiếu. Một số phản hồi của các bên liên quan về cơ sở vật chất, tiện ích chưa thể kịp thời đáp ứng do còn phụ thuộc vào kế hoạch ngân sách và quy hoạch tổng thể chung của Nhà trường.

2.11. Về kết quả đầu ra

Công tác CVHT còn bị động, chưa phát huy hiệu quả trong việc tư vấn cho SV lập kế hoạch học tập theo tín chỉ. SV chưa chủ động với kế hoạch học tập của cá nhân, còn chủ quan trong việc hoàn thành các điều kiện CĐR về ngoại ngữ và tin học theo quy định, dẫn đến tình trạng một số SV đã hoàn thành các môn học trong CTĐT nhưng chưa hoàn thành các điều kiện CĐR. CTĐT ít nhiều chưa bám sát với nhu cầu tuyển dụng và xu hướng thị trường lao động. Có một tỷ lệ nhất định SV ngành làm trái ngành nghề sau khi tốt nghiệp. Một số SV chưa quan tâm, hứng thú với hoạt

động NCKH. Việc khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan để rà soát, cải tiến chất lượng CTĐT ngành Công Nghệ kỹ thuật Giao thông chưa được thực hiện thường xuyên.

3. Kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT

Để khắc phục những tồn tại trên, Khoa Xây dựng và Nhà trường đã có kế hoạch từ năm học 2024 - 2025 trở đi như sau:

3.1. Về mục tiêu, chuẩn đầu ra và bản mô tả chương trình đào tạo

- Tiếp tục lấy ý kiến của các bên liên quan đến mục tiêu và CDR của CTĐT; tiếp tục rà soát, hiệu chỉnh và cập nhật mục tiêu, CDR từng học phần và toàn bộ CTĐT theo hướng hiện đại hóa, tiếp cận quốc tế và phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

- Tiếp tục rà soát, đánh giá và điều chỉnh lại tiến trình đào tạo thuộc các khối kiến thức theo lĩnh vực, khối ngành, nhóm ngành và chuyên ngành cho phù hợp hơn, theo hướng hỗ trợ thời gian nhiều hơn cho các nhóm học phần ngành và chuyên ngành; đề xuất Nhà trường tiếp tục bổ sung, cập nhật và nâng cấp hệ thống học liệu, đặc biệt là hệ thống bài giảng, giáo trình phục vụ các học phần thuộc chuyên ngành. Mở rộng hơn phạm vi, đối tượng lấy ý kiến đánh giá; thông tin bản mô tả CTĐT tới các bên có liên quan theo hướng chuyên nghiệp.

3.2. Về cấu trúc và nội dung CTDH và phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Xây dựng kế hoạch phối hợp chặt chẽ với các bên liên quan như: nhà tuyển dụng, người học và cựu người học trong việc rà soát và điều chỉnh CTDH để hoàn thiện CTDH, đảm bảo tính cập nhật và thích ứng nhu cầu thực tế của xã hội về nhân lực. Tổ chức tập huấn về phương pháp giảng dạy với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin nhằm thay đổi hình thức và phương pháp giảng dạy cũ, kích thích tính chủ động của người học trong việc chiếm lĩnh kiến thức chuyên sâu. Đề xuất Nhà trường cho phép thay đổi cấu trúc các học phần ở năm thứ nhất và thứ hai theo hướng tăng cường thời lượng cho các học phần chuyên ngành.

Đẩy mạnh việc quảng bá thông tin, tổ chức bài bản việc lấy YKPH từ phía các doanh nghiệp, các nhà tuyển dụng. Tổ chức các hội nghị thảo luận về phương pháp dạy và học mới cho SV, đặc biệt là SV năm thứ nhất để người học nắm bắt và thay đổi tư duy theo cách thức học tập trong môi trường học tập. Thực hiện cập nhật, chỉnh sửa CTĐT theo định kỳ hằng năm và bổ sung thêm các tiêu chí “khả năng tự học, khả năng tìm kiếm tài liệu, tổng hợp và phân tích tài liệu, khả năng tư duy phản biện, tư duy sáng tạo, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng lập kế hoạch” vào tiêu chí đánh giá kết quả học tập từng học phần của người học.

3.3. Về đánh giá kết quả học tập của người học

Đề xuất Nhà trường tiếp tục xây dựng và ban hành các quy định về việc thiết kế đề thi tự luận, trắc nghiệm,... nhằm đáp ứng CĐR; Khoa sẽ tổ chức thống kê, phân tích định lượng các kết quả thi, đánh giá được mức độ phù hợp của đề thi theo CĐR, đảm bảo tính chính xác và công bằng trong đánh giá kết quả người học. Đề xuất Nhà trường về việc công khai đáp án chấm thi cuối kỳ để SV tự đối chiếu với bài thi và có kế hoạch điều chỉnh việc học tập, thúc đẩy việc chấm thi và công bố điểm giữa kỳ, cuối kỳ đúng thời hạn. Đề nghị Nhà trường ban hành và công bố công khai quy định, quy trình khiếu nại về kết quả học tập trên website của Trường, của Khoa, trong sổ tay người học giúp người học tiếp cận dễ dàng và nắm bắt rõ hơn quy trình này.

3.4. Về đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên và nhân viên

Đề nghị Trường có chính sách ưu đãi để thu hút người trình độ chuyên môn cao từ các trường đại học uy tín trên thế giới đến trao đổi, giao lưu học tập, giảng dạy tại Khoa Xây dựng và ban hành kế hoạch phát triển chuyên môn, nghiệp vụ và đội ngũ kế thừa. Đề nghị Trường thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng tiếng Anh giao tiếp cho các GV để nâng cao khả năng trao đổi học thuật, nghiên cứu và hội nhập quốc tế; khuyến khích, hỗ trợ và tạo điều kiện để ít nhất mỗi năm có 01 GV đi đào tạo, bồi dưỡng ở ngoài nước; tăng cường kinh phí cho việc thực hiện đề tài NCKH của GV và SV.

Tiến hành xây dựng bộ tiêu chí đánh giá công việc cụ thể từng vị trí việc làm để từ đó có chính sách, tuyển dụng, bổ nhiệm, xét thi đua khen thưởng hợp lý hơn, đồng thời có cơ sở để theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên. Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn và nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ hỗ trợ, phục vụ tốt hơn cho đào tạo và NCKH.

3.5. Về người học và hoạt động hỗ trợ người học

Khoa sẽ tăng cường công tác quảng bá tuyển sinh bằng nhiều hình thức, nhiều kênh thông tin, qua các bài viết, các hình ảnh, hoạt động của Khoa, của các tổ chức đoàn thể, các câu lạc bộ học thuật trên trang web, trang mạng xã hội của Khoa; đồng thời sẽ thực hiện một Video clip giới thiệu về các ngành đào tạo, các kết quả NCKH của SV, cơ hội việc làm của SV sau khi tốt nghiệp,... để quảng bá rộng rãi đến các em học sinh THPT. Tiến hành rà soát lại đề cương các học phần, điều chỉnh việc phân bổ các môn học, điều tra và đánh giá nguyên nhân khiến cho SV hoàn thành khóa học chưa đúng hạn. Đội ngũ CVHT tiếp tục duy trì, tăng cường các hoạt động tư vấn học tập, khuyến khích hoạt động NCKH trong SV, hỗ trợ SV tìm kiếm việc làm.

3.6. Về cơ sở vật chất và trang thiết bị

Khoa kết hợp với các phòng chức năng trong Nhà trường, sẽ tiếp tục lấy YKPH từ người học về CSVC và trang thiết bị phục vụ hoạt động đào tạo và NCKH, các tổ chức quốc tế, các nhà xuất bản. Đề xuất Nhà trường đầu tư kinh phí để bổ sung, cập nhật nguồn tài liệu phục vụ đào tạo. Tiếp tục xây dựng các đề án nâng cấp các phòng thí nghiệm - thực hành theo hướng hiện đại. Tăng cường công tác quản lý SV, tránh hiện tượng vi phạm nội quy của Nhà trường, đồng thời thực hiện chính sách riêng, quan tâm đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

3.7. Về nâng cao chất lượng và kết quả đầu ra

Nhà trường tiếp tục duy trì và mở rộng đối tượng lấy thông tin phản hồi của các bên liên quan để cập nhật CTĐT. Tăng cường hợp tác, ký kết biên bản ghi nhớ với các doanh nghiệp; tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề về kỹ năng mềm, các hội thảo để SV có cơ hội tiếp xúc với các doanh nghiệp và rèn luyện các kỹ năng mềm cần thiết cho hoạt động nghề nghiệp. Tiến hành rà soát, điều chỉnh các văn bản, quy định liên quan cũng như tăng cường việc lấy YKPH các bên liên quan về các hoạt động dạy và học, đánh giá kết quả học tập để đảm bảo tính hệ thống, thống nhất, cập nhật và phù hợp với CDR của CTĐT. Thực hiện rà soát hiệu quả các dịch vụ hỗ trợ người học; thúc đẩy các dịch vụ hỗ trợ người học tại các phòng thí nghiệm - thực hành, phòng thực hành máy tính. Đề xuất Nhà trường mua bổ sung học liệu cho chuyên; tăng cường cơ sở hạ tầng CNTT tại các giảng đường.

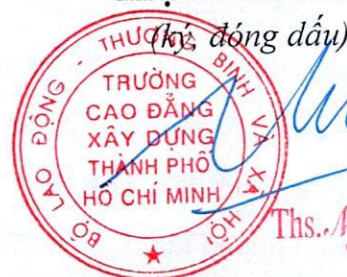
Tăng cường tính chủ động của các CVHT trong việc tư vấn kế hoạch học tập cho SV và thực hiện báo cáo thường xuyên về tiến độ học tập của SV, qua đó nhắc nhở SV hoàn thành các điều kiện CDR, đảm bảo việc tốt nghiệp đúng thời hạn. Nhà trường tiếp tục duy trì việc lấy YKPH của các bên liên quan và khảo sát về tình trạng việc làm của SV sau khi tốt nghiệp ra trường nhằm cải tiến chất lượng và cập nhật CTĐT, đáp ứng CDR và nhu cầu xã hội.

2. Kiến nghị:

Không

TP. HCM..., ngày 24 tháng 12 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Ths. Nguyễn Bá Khiêm

Số: 706/KH-CĐXD

TP.HCM, ngày 16 tháng 8 năm 2024

KẾ HOẠCH

Thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo năm 2024

I. Mục đích tự đánh giá:

- Nâng cao nhận thức của cán bộ, nhà giáo, nhân viên và học sinh sinh viên trong toàn trường về tầm quan trọng của quy trình xây dựng, vận hành, đánh giá, cải tiến hệ thống đảm bảo chất lượng và tự đánh giá chất lượng các chương trình đào tạo ngành, trình độ cao đẳng, trung cấp.

- Thu thập, xử lý thông tin và minh chứng để chứng minh mức độ đạt được của các ngành đào tạo dựa trên cơ sở đối chiếu, so sánh với các yêu cầu trong hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của trường cao đẳng do Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành.

- Xây dựng, thực hiện và duy trì tốt các tiêu chí, tiêu chuẩn tự đánh giá đã đạt được, đồng thời đề xuất biện pháp khắc phục những tiêu chí, tiêu chuẩn chưa đạt của từng ngành đào tạo, trình độ cao đẳng, trung cấp. Qua đó, giúp Nhà trường hoạch định chiến lược phát triển các nguồn lực trong từng giai đoạn, tiến tới xây dựng trường vững mạnh toàn diện, khẳng định uy tín và thương hiệu của nhà trường.

- Các ngành đào tạo trình độ cao đẳng tự đánh giá năm 2024 gồm: Công nghệ Kỹ thuật Kiến trúc, Cấp Thoát nước, Công nghệ Kỹ thuật Vật Liệu XD, Công nghệ Kỹ thuật CT Xây dựng, Công nghệ Kỹ thuật Giao thông, Quản Lý Xây Dựng.

II. Công cụ tự đánh giá

1. Bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng GDNN theo Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng GDNN.

2. Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

3. Hướng dẫn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trình độ trung cấp và cao đẳng được quy định tại Công văn số 454/TCGDNN-KĐCL ngày 25/03/2019 của Tổng cục GDNN.

III. Quy trình tự đánh giá:

Quy trình thực hiện tự đánh giá được thực hiện bám sát theo Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 và bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng GDNN theo Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/6/2017 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Công văn số 454/TCGDNN-KĐCL ngày 25/3/2019 về việc hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn KĐCL chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp và

cao đẳng của Tổng Cục Giáo Dục Nghề Nghiệp, cụ thể như sau:

3.1. Thực hiện công tác chuẩn bị và hướng dẫn thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.

- Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng các chương trình đào tạo, trình độ cao đẳng (*gọi tắt là Hội đồng TĐGCTĐT*).

- Tổ chức tập huấn hướng dẫn về công tác tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng GDNN tại Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/6/2017 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội;

3.2. Thực hiện tự đánh giá chất lượng các chương trình đào tạo, trình độ cao đẳng theo bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng GDNN tại Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/6/2017 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội;

3.3. Thông qua và phê duyệt các báo cáo tự đánh giá chất lượng của các chương trình đào tạo trình độ cao đẳng;

3.4. Công bố các báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng của các chương trình đào tạo trong trường và gửi báo cáo về Tổng Cục Giáo Dục Nghề Nghiệp.

IV. Nhiệm vụ chung

4.1. Đối với Hội đồng tự đánh giá chất lượng các chương trình đào tạo, trình độ cao đẳng

- Phân công các Khoa, Bộ Môn, Trung Tâm có ngành đào tạo chủ trì thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của mình;

- Đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo, trình độ cao đẳng, trung cấp theo đúng kế hoạch đã đề ra;

- Thông qua báo cáo tự đánh giá chất lượng các chương trình đào tạo và các biện pháp cải tiến nâng cao chất lượng;

- Phối hợp, hỗ trợ đoàn đánh giá ngoài thực hiện kiểm định chất lượng tại trường (*nếu có*).

4.2. Đối với các Khoa, Bộ môn, Trung tâm có ngành đào tạo:

- Dựa trên kế hoạch Tự đánh giá của Trường, lập kế hoạch đánh giá chất lượng chương trình đào tạo cho ngành cụ thể, trình Hiệu trưởng phê duyệt;

- Thông qua các Ban thư ký tự đánh giá chương trình đào tạo, thu thập, phân tích và xử lý thông tin, minh chứng đối chiếu với hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo do Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành; đánh giá, xác định mức độ đạt được của từng tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ rõ các điểm mạnh, tồn tại và nguyên nhân, kế hoạch nâng cao chất lượng trong từng tiêu chí, đồng thời mô tả, phân tích, nhận định các tiêu chuẩn, xác định thực trạng và cho điểm tự đánh giá tiêu chuẩn;

- Tổng hợp và viết dự thảo báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành theo mẫu quy định tại phụ lục số 03, 04 ban hành kèm theo Thông tư 28/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội;

- Gửi dự thảo báo cáo tới các đơn vị để lấy ý kiến sau đó tổng hợp, hoàn thiện báo cáo gửi Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo họp thông qua.

4.3. Đối với các đơn vị trực thuộc trường



- Thu thập thông tin, minh chứng về từng hoạt động và kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của đơn vị cung cấp cho các Khoa, Bộ môn, Trung tâm có ngành đào tạo tổng hợp để viết báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành mình quản lý

5. Phân bổ các đơn vị thuộc trường hỗ trợ thực hiện tự đánh giá theo tiêu chuẩn, tiêu chí liên quan

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Đơn vị hỗ trợ
I	Tiêu chí 1: Mục tiêu, quản lý và tài chính	
1	Tiêu chuẩn 1	Phòng TCHC
2	Tiêu chuẩn 2	Phòng Đào Tạo; Các đơn vị đào tạo
3	Tiêu chuẩn 3	Phòng TCKT
II	Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo	
1	Tiêu chuẩn 1	Phòng Đào tạo, Phòng TCHC
2	Tiêu chuẩn 2	Phòng Đào tạo
3	Tiêu chuẩn 3	Phòng Đào tạo
4	Tiêu chuẩn 4	Phòng Đào tạo; Các đơn vị đào tạo
5	Tiêu chuẩn 5	Phòng Đào tạo
6	Tiêu chuẩn 6	Phòng Đào tạo; Phòng TCHC
7	Tiêu chuẩn 7	Phòng Đào tạo
III	Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên	
1	Tiêu chuẩn 1	Phòng Đào tạo, Phòng TCHC
2	Tiêu chuẩn 2	Phòng Đào tạo, Phòng TCHC
3	Tiêu chuẩn 3	Phòng Đào tạo, Phòng TCHC
4	Tiêu chuẩn 4	Phòng Đào tạo; Các đơn vị đào tạo
5	Tiêu chuẩn 5	Phòng Đào tạo, Phòng TCHC
6	Tiêu chuẩn 6	Phòng Đào tạo, Phòng TCHC
7	Tiêu chuẩn 7	Phòng TCHC
8	Tiêu chuẩn 8	Phòng TCHC
IV	Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình	
1	Tiêu chuẩn 1	Phòng Đào tạo; Các đơn vị đào tạo
2	Tiêu chuẩn 2	Phòng Đào tạo; Các đơn vị đào tạo
3	Tiêu chuẩn 3	Phòng Đào tạo
4	Tiêu chuẩn 4	Phòng Đào tạo
5	Tiêu chuẩn 5	Phòng Đào tạo
6	Tiêu chuẩn 6	Phòng Đào tạo

7	Tiêu chuẩn 7	Phòng Đào tạo
8	Tiêu chuẩn 8	Phòng Đào tạo
9	Tiêu chuẩn 9	Phòng Đào tạo, Các đơn vị đào tạo
10	Tiêu chuẩn 10	Phòng Đào tạo
11	Tiêu chuẩn 11	Phòng Đào tạo, Các đơn vị đào tạo
12	Tiêu chuẩn 12	Phòng Đào tạo, Các đơn vị đào tạo
V	Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện	
1	Tiêu chuẩn 1	Phòng Quản trị
2	Tiêu chuẩn 2	Phòng Quản trị
3	Tiêu chuẩn 3	Phòng Quản trị; Phòng Đào tạo
4	Tiêu chuẩn 4	Phòng Quản trị
5	Tiêu chuẩn 5	Phòng Quản trị
6	Tiêu chuẩn 6	Trung Tâm Thông Tin Thư Viện
7	Tiêu chuẩn 7	Trung Tâm Thông Tin Thư Viện
8	Tiêu chuẩn 8	Phòng Đào tạo
VI	Tiêu chí 6: Dịch vụ cho người học	
1	Tiêu chuẩn 1	Phòng Đào tạo; Phòng Tuyển Sinh - Công tác HSSV;
2	Tiêu chuẩn 2	Phòng Tuyển Sinh - Công tác HSSV
3	Tiêu chuẩn 3	Bộ Phận Hợp Tác Doanh Nghiệp; Phòng Tuyển Sinh - Công tác HSSV; Các đơn vị đào tạo
4	Tiêu chuẩn 4	Đoàn Thanh niên
VII	Tiêu chí 7: Giám sát, đánh giá chất lượng	
1	Tiêu chuẩn 1	Phòng Đào tạo
2	Tiêu chuẩn 2	Phòng Đào tạo
3	Tiêu chuẩn 3	Phòng Đào tạo
4	Tiêu chuẩn 4	Phòng Đào tạo
5	Tiêu chuẩn 5	Phòng Đào tạo; Phòng KH-HTQT&ĐBCL
6	Tiêu chuẩn 6	Phòng Đào tạo; Phòng KH-HTQT&ĐBCL
7	Tiêu chuẩn 7	Phòng Đào tạo
8	Tiêu chuẩn 8	Phòng Đào tạo

6. Nội dung công việc - Thời gian thực hiện

Thời gian	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Đv hỗ trợ
Từ ngày 1/8/2024 – 16/8/2024	- Xây dựng kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các ngành, trình độ cao đẳng, năm 2024. - Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các ngành, trình độ cao đẳng, năm 2024.	Phòng KH- HTQT&ĐBCL	
Từ ngày 16/8/2024 đến ngày 24/8/2024	- Họp Hội Đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các ngành, trình độ cao đẳng - Tập huấn công tác tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo cho các đơn vị theo Thông Tư 15- Bộ LĐTBXH	Khoa, bộ môn quản lý ngành và Đơn vị tư vấn	Phòng KH- HTQT&ĐBCL
Từ ngày 26/8/2024 đến ngày 26/9/2024	Thu thập thông tin, rà soát các minh chứng theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn	Khoa, bộ môn quản lý ngành	Phòng KH- HTQT&ĐBCL
Từ ngày 26/9/2024 đến ngày 10/10/2024	Kiểm tra, thu thập minh chứng theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn	Khoa, bộ môn quản lý ngành	Phòng KH- HTQT&ĐBCL
Từ ngày 10/10/2024 đến ngày 24/10/2024	Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn; chỉ rõ điểm mạnh, tồn tại, nguyên nhân, kế hoạch nâng cao chất lượng	Khoa, bộ môn quản lý ngành	Phòng KH- HTQT&ĐBCL
Từ ngày 24/10/2024 đến ngày 07/11/2024	Tổng hợp phần I và phần II của báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.	Khoa, bộ môn quản lý ngành	Phòng KH- HTQT&ĐBCL
Từ ngày	Tổng hợp phần III và	Khoa, bộ môn quản	Phòng KH-

Thời gian	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Đv hỗ trợ
07/11/2024 đến ngày 21/11/2024	phần IV của báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.	ly ngành	HTQT&ĐBCL
Từ ngày 21/11/2024 đến ngày 28/11/2024	- Tổng hợp báo cáo và gửi đến các đơn vị xin ý kiến phản hồi - Họp hội đồng tự đánh giá chất lượng các chương trình đào tạo để thông qua báo cáo.	Hội đồng tự đánh giá	Phòng KH-HTQT&ĐBCL
Từ ngày 28/11/2024 đến ngày 20/12/2024	Hoàn chỉnh báo cáo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng các chương trình đào tạo và gửi báo cáo đến cơ quan có thẩm quyền	Phòng KH-HTQT&ĐBCL	Khoa, bộ môn quản lý ngành

* **Yêu cầu chung:** Báo cáo kết quả tự kiểm định bắt buộc phải soạn thảo bằng phông chữ Times New Roman, Unicode, cỡ chữ 13 theo yêu cầu của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp.

7. Kinh phí

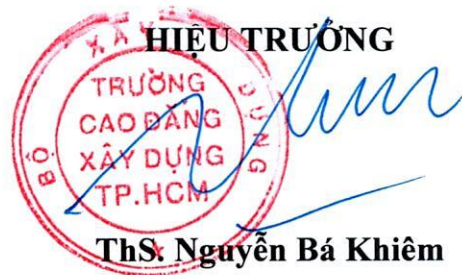
- Kinh phí hoạt động tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp năm 2024 được trích từ nguồn kinh phí chi thường xuyên của Trường.

- Phòng Tài Chính Kế Toán phối hợp với Phòng Khoa Học- Hợp Tác Quốc Tế - Đảm Bảo Chất Lượng và các đơn vị quản lý ngành chịu trách nhiệm dự toán kinh phí và thanh quyết toán theo đúng quy định hiện hành.

Công tác tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo là nhiệm vụ chính trị trọng tâm của Nhà trường trong năm 2024, là tiêu chí quan trọng để xếp loại, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng đơn vị, cá nhân. Yêu cầu tất cả đơn vị trong Trường, các thành viên của Hội đồng tự đánh giá phải tổ chức thực hiện nghiêm túc đảm bảo kế hoạch, chất lượng theo yêu cầu đề ra./.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Các đơn vị trong trường;
- Lưu: VT, KHHTQT-ĐBCL.



HIỆU TRƯỞNG
ThS: Nguyễn Bá Khiêm

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng các chương trình đào tạo trình độ cao đẳng năm 2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG XÂY DỰNG TP.HCM

Căn cứ Quyết định số 127/1999/QĐ-TTg ngày 28/5/1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Cao đẳng Xây dựng số 2;

Căn cứ Quyết định số 1148/QĐ-BLĐTBXH ngày 18/7/2017 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội về việc đổi tên Trường Cao đẳng Xây dựng số 2 thành Trường Cao đẳng Xây dựng Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 10/QĐ-CĐXD ngày 12/01/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Xây dựng Tp.HCM về việc ban hành Quy chế Tổ chức và Hoạt động Trường Cao đẳng Xây dựng Tp.HCM;

Căn cứ Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội về việc ban hành Quy định hệ thống đảm bảo chất lượng của Cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/6/2017 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội về việc ban hành Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Kế hoạch số 706/KH-CĐXD ngày 16/8/2024 về việc thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo năm 2024;

Xét đề nghị của Trường phòng Khoa học, Hợp tác Quốc tế và Đảm bảo Chất lượng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập các Hội đồng tự đánh giá chất lượng các chương trình đào tạo trình độ cao đẳng kèm theo danh sách.

Điều 2. Các hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ cao đẳng có trách nhiệm lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các quy định về việc đánh giá chương trình đào tạo trình độ cao đẳng năm học 2023-2024 theo Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/6/2017 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các ông (bà) có tên tại điều 1 và Trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3
- Lưu VT, KH-HTQT-ĐBCL.

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG XÂY DỰNG TP.HCM
ThS. Nguyễn Bá Khiêm



PHỤ LỤC 03

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG
NGÀNH CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT GIAO THÔNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 708/QĐ-CDXD ngày 16 tháng 8 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh)*

STT	Họ Và Tên	Chức Vụ	Nhiệm Vụ
1	Nguyễn Bá Khiêm	Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng
2	Nguyễn Thị Hồng Phấn	Trưởng Bộ môn Cầu đường	Phó chủ tịch Hội đồng
3	Phạm Hương Huyền	Giảng viên Bộ môn Cầu đường	Thư ký HĐ
4	Nguyễn Văn Thọ	Chủ tịch Hội đồng Trường	Ủy Viên
5	Lê Khắc Toàn	Phó Hiệu trưởng	Ủy Viên
6	Phạm Thị Anh	Giảng viên Bộ môn Cầu đường	Ủy viên
7	Nguyễn Tấn Dương	Giảng viên Bộ môn Cầu đường	Ủy viên
8	Trần Minh Lợi	Giảng viên Bộ môn Cầu đường	Ủy viên
9	Phạm Thị Lê Vân	Trưởng Phòng Khoa học- HTQT-ĐBCL	Ủy viên
10	Dương Công Đức	Trưởng phòng Đào tạo	Ủy viên
11	Vũ Đăng Cải	Phó Trưởng phòng phụ trách phòng Tổ chức HC	Ủy viên
12	Huỳnh Phi Tuấn Khanh	Trưởng Phòng TS-CTSVHS	Ủy viên
13	Nguyễn Thị Trang	Trưởng Phòng Tài chính KT	Ủy viên
14	Nguyễn Văn Quý	Trưởng Phòng Quản trị	Ủy viên
15	Vũ Sĩ Tuấn	GD. Trung tâm Đào tạo TH-UDCNXD	Ủy viên
16	Võ Văn Thiệp	GD. Trung tâm TT Thư viện	Ủy viên
17	Lê Xuân Lâm	Chuyên viên phòng Khoa học- HTQT-ĐBCL	Ủy viên
18	Ks Nguyễn Văn Vinh	GD Công ty TNHH Xây Dựng Sơn Dương	Ủy viên
19	Nguyễn Tý	Công ty TNHH Kỹ Thuật XD Minh Ngọc	Ủy viên